

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142 /2019/HS-ST

Ngày 13/11/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trịnh Việt Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Đình Phương – Bà Hoàng Thị Kim Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Linh Chi – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 132/2019/HS-ST ngày 10/10/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2019/QĐXXST-HS ngày 01/11/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Khoa Kim Đ**, sinh năm:1976, địa chỉ: số nhà 74, đường H, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa lớp: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Khoa Kim T (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị L; Vợ: Phạm Thị T. con: có 02 con, con lớn sinh năm: 2007, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 13/10/1999 UBND tỉnh N ra Quyết định đưa đi cơ sở bắt buộc chữa bệnh thời hạn 6 tháng.

- Tại bản án số 17/HSST này 30/03/2004 Tòa án nhân dân Thị xã N xử phạt 24 tháng tù giam về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đã xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/07/2019 đến ngày 18/07/2019 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị **Phạm Thị T**, sinh năm: 1979

Địa chỉ: số nhà 74, đường H, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh N. (có mặt)

- Anh **Tổng Duy S**, sinh năm: 1975

Địa chỉ: xóm 5, xã C, phường N, thành phố N, tỉnh N. (vắng mặt)

- Anh **Điền Văn D**, sinh năm: 1999

Địa chỉ: thôn V, xã N, thành phố N, tỉnh N. (vắng mặt)

- Anh **Đinh Văn T**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: phố 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh N (vắng mặt)

2.3 Người làm chứng:

- Anh **Phạm Đức T**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Khoa Kim Đ là người nghiện ma túy, để có tiền sử dụng ma túy và tiêu sài cá nhân Khoa Kim Đ mua ma túy về bán lại cho những người nghiện khác kiếm lời. Khoảng 19 giờ ngày 14/7/2019, bị cáo sang khu vực thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh N mua của một người đàn ông không quen biết 700.000 đồng được 04 túi ma túy đá gồm 01 túi có kích thước khoảng (3x6) cm, 3 túi có kích thước khoảng (1x1) cm. Sau khi mua được ma túy bị cáo mang về nhà lấy 01 túi ma túy đá kích thước khoảng (1x1) cm bỏ vào túi quần đang mặc, số ma túy còn lại bị cáo bỏ vào một ví giả da rồi cất giấu trong tủ nhựa để tại góc xép cầu thang mục đích để vừa sử dụng vừa bán kiếm lời. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 15/7/2019, Tổng Duy S và Điền Văn D cũng là đối tượng nghiện ma túy gặp nhau tại khu vực bến xe khách N, thuộc phường T, thành phố N. Do là bạn bè quen biết với nhau và đều là người nghiện ma túy nên S rủ D góp tiền đi mua ma túy đá về cùng nhau sử dụng, D đồng ý. Hai người thống nhất mua 300.000 đồng ma túy, D đưa cho S 100.000 đồng, S góp 200.000 đồng. Do biết bị cáo Đ có bán ma túy nên S sử dụng số điện thoại 0931.696.434 gọi điện đến số điện thoại 0836.803.838 của Đ nói “Ông à, để cho ba trăm đá cái” (Ý hỏi mua 01 túi ma túy đá với giá 300.000 đồng), Đ đồng ý và hẹn S đến nhà bị cáo ở số nhà 74 đường H, phố P, phường P để lấy ma túy. Sau đó, S điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream (không rõ biển kiểm soát) do D mượn của một người bạn tên là N (không biết họ tên, địa chỉ) chở D đi mua ma túy. Khi cả

hai đi đến trước cửa nhà thuốc V, đường H thì D xuống xe đứng chờ, còn S điều khiển xe một mình đi đến nhà bị cáo Đ. Khoảng 11 giờ cùng ngày, S đến nhà bị cáo Đ rồi đi lên cầu thang ở gác lửng (giữa tầng 1 và tầng 2) gặp Đ, do đã liên lạc mua ma túy từ trước, S đưa cho Đ 300.000 đồng, Bị cáo Đ lấy từ trong túi quần đang mặc 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng đưa cho S, S cầm túi ma túy đi xuống rồi điều khiển xe đến trước hiệu thuốc V đón D rồi cả hai quay lại bến xe khách N trả xe mô tô cho N. Sau đó S và D thuê xe ôm chở đến khu vực nghĩa trang Núi L, xã N, thành phố N để sử dụng ma túy. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi S và D đang sử dụng ma túy thì bị Tổ công tác đội cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an thành phố N phối hợp cùng Công an xã N, thành phố N làm nhiệm vụ phát hiện bắt giữ. Tổ công tác đã thu dưới mặt đất nơi S và D ngồi 01 gói nilon màu trắng kích thước khoảng (1x1) cm, bên trong có chất tinh thể màu trắng bám dính; 01 chai nhựa nhãn hiệu C2 trên nắp chai có gắn 01 ống nhựa màu đen dài khoảng 25 cm; 01 cóong thủy tinh bên trong có chất tinh thể màu trắng bám dính; 01 bật lửa ga. S và D khai nhận số ma túy trên mà hai người vừa sử dụng là do S mua của bị cáo Khoa Kim Đ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Khoa Kim Đ tại số nhà 74, đường H, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh N. Quá trình khám xét, Cơ quan điều tra đã thu giữ trong ngăn tủ phía trên, bên trái của tủ nhựa đặt tại phòng gác xép cầu thang 01 ví giả da kích thước khoảng (5x10) cm có khóa kéo, bên trong có 01 túi nilon màu trắng kích thước (3x6) cm và 02 túi nilon màu trắng kích thước (1x1) cm, bên trong các túi nilon đều chứa chất tinh thể màu trắng. Khoa Kim Đ khai nhận đây là ma túy đá. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã niêm phong số ma túy thu giữ theo quy định. Ngoài ra còn thu giữ của Đ 01 ví giả da bên trong có số tiền 70.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; thu giữ trong tủ quần áo số tiền 1.100.000 đồng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm có 01 bình thủy tinh, miệng bình có cắm 01 cóong thủy tinh và 01 vôi nhựa. Cơ quan công an thu giữ của S 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO lắp sim số 0931.696.434.

Tiến hành cân xác định khối lượng chất dạng tinh thể màu trắng trong các túi nilon thu giữ của bị cáo Đ: khối lượng chất tinh thể màu trắng trong túi nilon kích thước (3x6) cm là 0,415 gam ký hiệu M1; khối lượng chất tinh thể màu trắng trong túi 02 túi nilon kích thước (1x1) cm: túi thứ nhất có khối lượng là 0,155 gam, ký

hiệu M2, túi thứ hai có khối lượng là 0,150 gam, ký hiệu M3. Gửi các mẫu ký hiệu M1, M2, M3 giám định để xác định loại ma túy và khối lượng chất ma túy. Đồng thời gửi giám định 01 túi nilon màu trắng kích thước (1x1) cm, 01 cóong thủy tinh thu giữ của Tống Văn S và Điền Văn D để xác định chất bám dính bên trong có phải là ma túy không, loại ma túy, khối lượng chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 204/KLGĐ-PC09-MT ngày 17/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận “Chất dạng tinh thể màu trắng bám dính trong đoạn ống thủy tinh hình phễu (cóong), túi nilon gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, lượng Methamphetamine bám dính ít, không xác định được khối lượng. Các mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,3998 gam, M2 có khối lượng 0,1537 gam, M3 có khối lượng 0,1442 gam. Tổng khối lượng chất tinh thể màu trắng trong ba mẫu ký hiệu M1, M2, M3 là 0,6977 gam đều là ma túy, loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục II, số thứ tự 323; Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ”. Như vậy khối lượng Methamphetamine thu giữ của Khoa Kinh Đ là 0,6977 gam. Cơ quan giám định hoàn lại đối tượng giám định gồm: Một đoạn ống thủy tinh hình phễu (cóong), một túi nilon cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu, được niêm phong trong một phong bì theo quy định của pháp luật, trên mặt phong bì có ghi số 240/KLGĐ-PC09-MT. Các mẫu chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,3252 gam; M2 có khối lượng 0,0896 gam; M3 có khối lượng 0,0996 gam đều là ma túy, loại Methamphetamine. Tất cả mẫu cùng toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong ban đầu được niêm phong trong một phong bì theo quy định của pháp luật, trên mặt phong bì có ghi số 240/KLGĐ-PC09-MT.

Tại bản Cáo trạng số 137/CT-VKS ngày 09/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Khoa Kim Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Khoa Kim Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Ninh Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Khoa Kim Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s

khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Khoa Kim Đ từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 15/07/2019.

Áp dụng điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: Số vật chứng còn lại cùng bao gói niêm phong ban đầu, số dụng cụ sử dụng ma túy thu giữ của S và D.

- Đối với số tiền 300.000đ là tiền bị cáo Đ bán ma túy cho Sơn cần tịch thu xung công quỹ nhà nước.

Bị cáo không có tài sản cá nhân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo bị kết án phải nộp án phí HSST và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Khoa Kim Đ không có ý kiến gì với Bản kết luận giám định; Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N; Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện công khai, hợp pháp đúng Pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Khoa Kim Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như vật chứng đã thu giữ; kết luận giám định và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 15/07/2019 Khoa Kim Đ đã có hành vi bán cho Tổng Duy S 01 túi ma túy đá với giá tiền 300.000đ, đồng thời cất giấu 0,6977 gam Methamphetamine tại nhà riêng để nhằm mục đích bán kiếm lời và sử dụng đã phạm

tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là một trong những nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội, phát sinh các tội phạm khác, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo sử dụng ma túy nhận thức được tác hại của ma túy nhưng bị cáo lại không quyết tâm từ bỏ ma túy mà lại mua bán ma túy cho những người khác mục đích kiếm lời. Hội đồng xét xử thấy cần phải có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, hành vi mà bị cáo đã thực hiện mới có đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo góp phần phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi lượng khung hình phạt Hội đồng xét xử cần cân nhắc xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ nói trên để giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, có thời gian nghiện ma túy kéo dài, đã bị bắt buộc đưa vào cơ sở chữa bệnh. Năm 2004 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân Thị xã N xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh, quyết tâm từ bỏ ma túy mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, lần phạm tội này Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tù có thời hạn, cách lý bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để giúp cho bị cáo nhận thức và từ bỏ ma túy đồng thời cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy mục đích kiếm lời nhưng tại biên bản xác minh ngày 01/09/2019 bị cáo Đ đang ở cùng với mẹ đẻ, bản thân bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập, không có đồ vật, tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Các vấn đề khác:

- Về nguồn gốc ma túy: Bị cáo Đ khai mua của một người đàn ông không quen biết ở thôn D, xã Y, huyện Ý, tỉnh N. Do đó cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N không đủ cơ sở để xác minh, làm rõ.

- Đối với Tổng Duy S và Điền Văn D là người đã mua ma túy của Khoa Kim Đ về để sử dụng, do lượng ma túy bám dính trong vỏ túi nilon và trong cóong thủy tinh thu giữ của S và D ít, không xác định được khối lượng nên không có căn cứ để xử lý về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Công an thành phố N đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính hình thức cảnh cáo đối S và D về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng pháp luật.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo lắp sim số 0931.696.434 thu giữ của Tổng Duy S sử dụng vào việc liên lạc trao đổi mua bán ma túy, quá trình điều tra xác định đây là điện thoại của anh Đinh Văn T sinh năm 1969, trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh N. Ngày 15/7/2019, Sơn đến nhà anh T mượn điện thoại của anh T để liên lạc công việc, anh T không biết S sử dụng điện thoại để mua bán ma túy nên không vi phạm. Anh T đã có đơn xin lại điện thoại, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc điện thoại này cho anh T là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung lắp sim số 0836.803.838 thu giữ của Khoa Kim Đ, bị cáo sử dụng vào việc liên lạc trao đổi mua bán ma túy, quá trình điều tra xác định đây là điện thoại của chị Phạm Thị T (là vợ của bị cáo Đ). Ngày 13/7/2019, chị T đưa điện thoại cho bị cáo đi sửa, sau khi sửa xong Đ sử dụng vào việc phạm tội chị T không biết nên không vi phạm. Chị T cũng có đơn xin lại điện thoại, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Ninh Bình đã trả lại chiếc điện thoại này cho chị T là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia lắp sim số 0917.237.253 thu giữ của bị cáo Đ không liên quan đến việc phạm tội. Đối với số tiền 1.170.000 đồng thu giữ của bị cáo Đ, quá trình điều tra xác định trong số tiền này có 300.000 đồng là tiền Đ bán ma túy cho Tổng Duy S vào ngày 15/7/2019 mà có, số tiền còn lại 870.000 đồng là tiền do Đ lao động mà có, không liên quan đến việc phạm tội. Ngày 28/8/2019 bị cáo Đ ủy quyền cho vợ là chị Phạm Thị T nhận lại đồ vật, tài sản nói trên. Ngày 16/9/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã bàn giao chiếc điện thoại Nokia và số tiền 870.000 đồng cho chị T, chị T đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Khoa Kim Đ phạm tội " Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Khoa Kim Đ 30 (Ba mươi)tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/07/2019.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chai nhựa nhãn hiệu C2 trên nắp chai có gắn 01 ống nhựa màu đen dài khoảng 25 cm; 01 bật lửa ga; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm có 01 bình chứa thủy tinh, miệng bình có cắm 01 cóong thủy tinh và 01 vôi nhựa; 01 đoạn ống thủy tinh hình phễu (cóong); một túi ni lon cùng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong ban đầu, các mẫu chất dạng tinh thể màu trắng còn lại trong mẫu giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,3252 gam; M2 có khối lượng 0,0896 gam; M3 có khối lượng 0,0996g đều là ma túy loại Methamphetamine cùng toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong ban đầu do cơ quan giám định hoàn lại được niêm phong trong phong bì thư. 02 ví giả da. (Vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa Công an Thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

- Tịch thu xung quỹ nhà nước: số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) (Số tiền 300.000đ hiện đang ở tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N tại kho bạc Nhà nước thành phố N, theo ủy nhiệm chi lập ngày 22 tháng 10 năm 2019).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Khoa Kim Đ phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung Quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP Ninh Bình;
- Chi Cục THADS thành phố Ninh Bình;
- Công an thành phố Ninh Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- THA hình sự
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Việt Thanh